



# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC NGÀNH CƠ KHÍ VÀ ĐIỆN CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG BỘ CÔNG NGHIỆP

• ThS. VŨ THANH CHƯƠNG

Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ, Hải Dương

## 1. Đặt vấn đề:

Để đến năm 2020 nước ta căn bản trở thành một nước công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH) như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã xác định, tiến trình CNH, HĐH cần phải được gia tăng về mọi mặt. Trong đó nguồn nhân lực là yếu tố cơ bản nhất, đặc biệt là 2 ngành Điện và Cơ khí vừa cần "đi trước một bước" vừa có ý nghĩa "then chốt".

Kĩ thuật và công nghệ trong ngành điện và cơ khí đã có những thay đổi cơ bản so với mấy thập kỉ trước đây. Do vậy, việc đào tạo nhân lực có chất lượng và cơ cấu hợp lí, nhất là tăng số kĩ thuật viên (KTV) trình độ cao đẳng (CĐ), đáp ứng cho ngành Điện và Cơ khí trong giai đoạn mới là đòi hỏi cấp bách. Trong những năm qua số lượng nguồn nhân lực 2 ngành này đã được chú ý đào tạo tăng nhanh, nhưng về mặt chất lượng đào tạo vẫn còn nhiều bất cập, nhất là đào tạo KTV trình độ cao đẳng.

## 2. Tình hình đào tạo KTV trình độ CĐ hai ngành Điện và Cơ khí

### 2.1. Số lượng đào tạo KTV trình độ CĐ ngày càng tăng

Cả 2 trường đều đào tạo đa cấp, đa ngành, có truyền thống lâu năm về đào tạo trình độ công nhân kĩ thuật và trung cấp chuyên nghiệp, tuy nhiên đào tạo CĐ mới được tiến hành từ năm 2000. Vì vậy, xem xét tình hình đào tạo SV CĐ của 2 trường này để có những khuyến nghị nâng cao số lượng, đảm bảo chất lượng đào tạo CĐ là việc hết sức cần thiết. Trước hết, cần quan tâm đến số lượng đào tạo KTV 2 ngành Điện và Cơ khí đang ngày một tăng.

Số học sinh nói chung và SV CĐ nói riêng, trong những năm gần đây đều tăng lên liên tục. Riêng 2 ngành Điện và Cơ khí có nhu cầu rất lớn. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo lực lượng KTV có trình độ CĐ nói chung và 2 ngành Điện và Cơ khí, nói riêng, cả 2 trường đều đã nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường đội ngũ giáo viên (GV), đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, tiếp cận với nhu cầu của thị trường...

### 2.2. Về chất lượng đào tạo

Chất lượng đào tạo là một phạm trù phức tạp và có nhiều tiêu chí đánh giá khác nhau. Trong phạm vi đề tài này, chất lượng đào tạo được hiểu là sự đáp ứng của sản phẩm giáo dục đối với nhu cầu của thị trường lao động, của các đơn vị sử dụng lao động.

Để đánh giá chất lượng đào tạo chúng tôi đã điều tra lấy ý kiến từ nhiều phía, hy vọng cho kết quả có tính khách quan cao.

### a. Chất lượng đào tạo theo đánh giá của Bộ Công nghiệp

Theo đánh giá của Bộ Công nghiệp, HS, SV được đào tạo đạt chất lượng ngày một tốt hơn. Do vậy, tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm ngày càng tăng,

Bảng 1. Kết quả tuyển sinh bậc cao đẳng 2 ngành Điện và Cơ khí

TT	Tên trường	Số SV CĐ/năm học			
		2000-2001	2001-2002	2002-2003	2003-2004
1	Trường CĐ Công nghiệp Hà Nội	576	650	785	850
2	Trường CĐ Kinh tế kĩ thuật công nghiệp I	315	370	410	480
<b>Tổng</b>	<b>2 trường</b>	<b>891</b>	<b>1.020</b>	<b>1.195</b>	<b>1330</b>

Nguồn: Trường CĐ CN Hà Nội, Trường CĐKT Kỹ thuật Công nghiệp I

Bảng 2. Kết quả đào tạo của các trường thuộc Bộ Công nghiệp từ năm 2001 ÷ 2004

Đơn vị: %

Năm	Lí thuyết		Thực hành		Đạo đức			Lên lớp	Tốt nghiệp		
	Đạt y/c	Khả giỏi	Đạt y/c	Khả giỏi	A+B	C	D		TSố	Khá	Giỏi
2001	97,8	31,1	98,7	38,8	89,1	8,1	2,8	96,4	95,7	23,9	8,0
2002	95,2	30,6	98,3	38,7	89,7	9,0	1,1	97,2	96,3	24,1	7,9
2003	96,6	31,9	98,4	38,9	89,3	8,8	1,9	96,9	95,9	23,7	8,5
2004	97,1	31,3	98,6	38,8	89,5	8,9	1,6	96,7	96,1	23,9	7,6

Nguồn: Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Công nghiệp

Bảng 3. Kết quả học tập của SV ngành Điện và Cơ khí

Ngành	Năm học 2002-2003				Năm học 2003-2004				
	Lý thuyết (%)		Thực hành (%)		Lý thuyết (%)		Thực hành (%)		
	Đạt yêu cầu	Trong đó Khá giỏi	Đạt yêu cầu	Trong đó Khá giỏi	Đạt yêu cầu	Trong đó Khá giỏi	Đạt yêu cầu	Trong đó Khá giỏi	
CB CN Hà Nội	Cơ khí	96,2	28,7	99,4	61,5	97,4	16,8	95,7	33,5
	Điện	95,5	23,4	100	62,7	99,8	23,5	99,6	34,7
CB KT Kỹ thuật Công nghiệp I	Cơ khí	99,5	37,2	98,7	31,5	99,7	38,5	99,5	37,6
	Điện	97,6	35,4	96,5	30,5	98,6	39,35	100	38,2

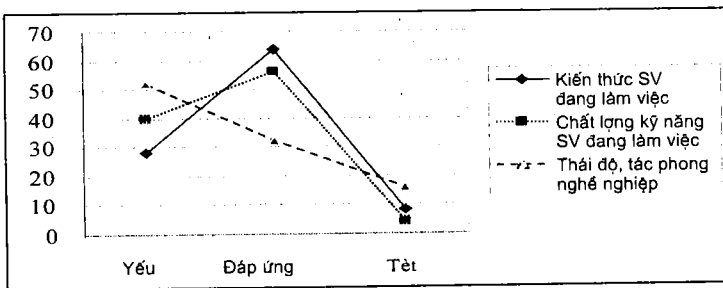
Nguồn: Trường CĐ CN Hà Nội, Trường CĐKT Kỹ thuật Công nghiệp I

Bảng 4. Đánh giá của GV, CBQLĐT, NLD, CBQLLĐ về chất lượng đào tạo KTV trình độ CĐ hai ngành Điện và Cơ khí so với yêu cầu sử dụng

TT	Các chỉ tiêu chất lượng	Đối tượng được lấy ý kiến (điểm tối đa là 5)				Kết quả chung
		GV	QLĐT	NLD	QLLĐ	
1	Về kiến thức	2,92	3,74	3,43	2,8	3,22
2	Về kỹ năng, tay nghề	3,01	3,60	3,20	2,64	3,11
3	Về thái độ, tác phong nghề nghiệp	3,96	2,99	2,97	2,64	3,14

Nguồn: Kết quả khảo sát do đề tài thực hiện

Biểu đồ 5: Phản ánh mức độ chất lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ và tác phong nghề nghiệp của SV đang làm việc (ĐVT: %)



Bảng 6. Tình hình về việc làm sau khi tốt nghiệp

TT	Tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp	Cộng %	
1	Việc làm sau khi tốt nghiệp		
1.1	Thời gian có việc làm lần đầu, sau khi tốt nghiệp	Dưới 6 tháng	30
		6-12 tháng	34
		Trên 12 tháng	36
1.2	Mức độ phù hợp giữa việc làm và ngành/ngành được đào tạo	Hoàn toàn trái nghề	0
		Đúng một phần	74
		Hoàn toàn đúng nghề	26
1.3	Mức phù hợp giữa việc làm với trình độ được đào tạo	Thấp hơn	0
		Phù hợp	42
		Cao hơn	58
2	Lí do việc làm trái ngành/ngành đào tạo		
2.1	Không có việc làm đúng nghề	Đúng	88
2.2	Việc làm hiện nay có điều kiện tốt hơn	Đúng	12

đặc biệt là hai ngành Điện và Cơ khí. Thông qua việc sử dụng SV tốt nghiệp ra trường tại các cơ quan và doanh nghiệp, các trường đã kiểm định, đánh giá lại chất lượng đào tạo của mình. Theo thống kê của Bộ Công nghiệp, số SV tốt nghiệp có được việc làm ngày càng tăng. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo hiện nay của các trường tuy có tiến bộ nhưng chưa đồng đều, hiểu biết về thực tế sản xuất của SV còn hạn chế. Số SV vi phạm kỉ luật bị xử lí còn nhiều, hàng năm có tới 2,1% SV bị kỉ luật.

**b. Chất lượng đào tạo theo đánh giá hàng năm của các trường**

Theo số liệu thông kê trên, chất lượng đào tạo của trường đạt yêu cầu khá cao: trên 90%, trong đó số khá và giỏi đạt trên 30%.

**c. Chất lượng đào tạo theo khảo sát do đề tài thực hiện**

Đề tài đã dùng phiếu khảo sát lấy ý kiến của 150 GV, 40 cán bộ quản lí đào tạo (CBQLĐT), 150 SV đã tốt nghiệp đang làm việc (người lao động - NLD) và 50 CBQL tại cơ sở sử dụng lao động (CBQLLĐ) về chất lượng đào tạo của hai ngành Điện và Cơ khí. Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng sau.

Qua kết quả điều tra cho thấy nhìn chung KTV trình độ CĐ ở hai ngành cơ khí và điện đều đáp ứng được yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, tay nghề, thái độ và tác phong nghề nghiệp (3/5 điểm). Tuy nhiên, vẫn còn có sự chênh lệch lớn về đánh giá các chỉ tiêu trên, GV, CBQLLĐ đánh giá thấp hơn so với NLD là SV đã tốt nghiệp và CBQLĐT. Sự chênh lệch có thể hiểu được do sự đánh giá chủ quan của chính bản thân mình (NLD) và sản phẩm của mình (CBQLĐT).

Kết quả điều tra cho thấy đánh giá chủ quan của các cơ quan GD-ĐT thường cao hơn đánh giá khách quan của các doanh nghiệp. Các tiêu chí đều đạt, nhưng chỉ đạt mức trung bình. Đặc biệt là theo ý kiến của CBQL doanh nghiệp thì kĩ năng, tay nghề và thái độ, tác phong nghề nghiệp của SV đã tốt nghiệp đang làm việc chỉ đạt ở mức độ thấp.

Kết quả khảo sát các chủ doanh nghiệp đánh giá khách quan về thực tế kiến thức, kĩ năng và thái

(Xem tiếp trang 52)

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ Ở ĐẠI HỌC

• PGS. TS. NGUYỄN ĐỨC VŨ

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

## I. Quan hệ giữa kiểm tra, đánh giá với nâng cao chất lượng dạy học Đại học Huế

1. Kiểm tra, đánh giá (KTĐG) là một khâu quan trọng của quá trình dạy học. Kết quả KTĐG cho biết mục tiêu dạy học đã đạt được ở mức độ nào, nhờ vậy đo được sự đáp ứng của sản phẩm đào tạo đối với nhu cầu xã hội.

Thành tích học tập là kết quả tác động của tất cả các khâu, yếu tố và thành phần của quá trình giáo dục trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau như: mục tiêu và nội dung dạy học, phương pháp và phương tiện dạy học, kiểm tra và đánh giá... Kết quả học tập đo được bằng KTĐG cho phép kiểm định được hiệu quả tác động của các yếu tố trên. Nhờ vậy, thông qua việc KTĐG các hiệu chỉnh về phương pháp dạy học nói riêng và về tất cả các yếu tố của quá trình dạy học nói chung có điều kiện để thực hiện. Nói cách khác, KTĐG cho phép xác định được các tác động để nâng cao chất lượng dạy học.

2. Đào tạo trình độ đại học (ĐH) giúp sinh viên (SV) nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về một ngành nghề, có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành đào tạo. Tốt nghiệp ĐH, SV sẽ có khả năng hoạt động trong một ngành nghề tương ứng với đào tạo. Tuy nhiên, người học không phải chỉ "hành nghề" trên cơ sở nắm vững kiến thức và kỹ năng thực hành, mà còn phải có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành đào tạo. Điều đó đòi hỏi các năng lực về sáng tạo, chủ động, có óc phê phán, có tính nhạy cảm với thực tiễn. Do vậy, nhiệm vụ của giáo dục đại học (GDĐH) tập trung vào 3 lĩnh vực cơ bản có mối quan hệ khăng khít với nhau: dạy nghề, dạy phương pháp và dạy thái độ.

- Dạy nghề: GDĐH phải giúp SV nắm vững những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về một ngành nghề. Các kiến thức đó bao gồm cả kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành hiện đại, sát với thực tiễn Việt Nam.

- Dạy phương pháp: GDĐH phải giúp phát triển ở SV năng lực trí tuệ (năng lực tư duy trừu tượng, năng lực lí luận, năng lực phê phán, năng lực di chuyển các hành động trí tuệ, năng lực tổ chức lao động trí óc một cách khoa học...), năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, phương pháp tự học và nghiên cứu khoa học. Nhờ có những năng lực này SV mới độc lập, năng động để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên

ngành đào tạo.

- Dạy thái độ: GDĐH phải có nhiệm vụ bồi dưỡng SV trở thành người có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân.

Việc KTĐG ở ĐH phải nhằm vào các hướng trên. Điều đó quy định tính phức tạp của việc đánh giá ở ĐH.

## II. Một số điểm bất cập trong KTĐG ở ĐH

1. Việc kiểm tra còn đơn điệu về loại hình, chưa cho phép đánh giá nhiều mặt, nhiều khía cạnh kiến thức của người học. Trong dạy học ĐH hiện nay, có nhiều hình thức kiểm tra như: vấn đáp, trắc nghiệm tự luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập, niên luận, báo cáo thực tế. Mỗi hình thức có một thế mạnh khác nhau trong đánh giá kết quả học tập. Tuy nhiên, trên thực tế, phần nhiều giảng viên sử dụng hình thức trắc nghiệm tự luận là phổ biến. Đây là hình thức dễ sử dụng, thuận tiện trong cả ra đề, coi thi và chấm bài. Hạn chế chủ yếu của hình thức này được nhiều người nói đến là dễ cho SV học "tủ", học "lịch", đối phó, nhiều SV đến kì thi mới bắt đầu học bài nhưng vẫn đạt điểm trung bình. Ngoài ra, trong khi thi, việc sử dụng tài liệu trái phép, quay cốp để xảy ra...

Hình thức trắc nghiệm khách quan, tuy có nhiều ưu điểm, nhưng còn ít được chú ý thực hiện ở đại học. Hình thức thi vấn đáp, do gặp nhiều khó khăn đối với lớp đông SV nên đang được sử dụng ít dần và hoàn toàn vắng bóng ở nhiều học phần.

Các hình thức bài thuyết trình trong semina, báo cáo thực tế, thực địa, thực tập... còn ít được coi trọng. Điểm số của các loại hình này nhiều khi được chấm một cách chiếu lệ và chưa được cấu tạo vào điểm số đánh giá cuối học phần, mặc dù chúng góp phần vào việc đánh giá một cách toàn diện người học.

2. Trong đề thi tự luận, do một số hạn chế về kỹ thuật ra đề và xây dựng đáp án, nên khó có thể đánh giá khả năng giải quyết vấn đề của người học. Một số đề thi sơ sài, tập trung vào một hay một số bài trong chương trình, không cho phép kiểm tra chính xác khả năng học tập của SV, dẫn đến gây ức chế đối với nhiều SV có khả năng suy luận, phát hiện và giải quyết vấn đề tốt.

3. Các hình thức bài tập, niên luận ở học phần này hoặc học phần khác còn được sử dụng khá tùy tiện. Nhiều SV ngại học thi, đăng kí làm niên luận, lợi dụng sự xem xét thiếu cẩn trọng